

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HS-ST
Ngày 31-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hải.

Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Quản Thị Dung;

Bà Bùi Thị Đào;

Ông Lê Bắc Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Cầm Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Thào A P, tên gọi khác: C, sinh ngày 15/10/1990 tại huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản P1, xã L, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Thào A U và bà Hạng Thị C1; có vợ là Mùa Thị L1 và 05 con (con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2021 cho đến nay. Có mặt.

2. Thào A S, sinh ngày 31/12/1994 tại huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản P1, xã L, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Thào A T và bà Sòng Thị S1 (đã chết); có vợ là Lù Thị C2 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2021 cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Thào A P: Ông Lò Văn P2, Luật sư thuộc

Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Thào A S:** Ông Đàm Mạnh H, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Chị Lù Thị C2, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Bản P1, xã L, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- **Người phiên dịch:** Ông Tênh Lao D, sinh năm 2002. Nơi cư trú: T1, xã C3, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 45 phút ngày 27/9/2021, Tổ công tác Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về ma túy Công an tỉnh Sơn La phối hợp với các lực lượng chức năng làm nhiệm vụ tại khu vực bản S2, xã S3, huyện B, tỉnh Sơn La đã phát hiện, bắt quả tang Thào A P và Thào A S đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Thào A P và Thào A S.

Vật chứng thu giữ gồm: 10 túi nilon (08 túi màu xanh, 02 túi màu hồng), bên trong mỗi túi đều chứa các viên nén màu hồng (nghỉ là ma túy tổng hợp). Ngoài ra còn tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của Thào A P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel và 01 thẻ căn cước công dân của Thào A S.

Căn cứ lời khai của Thào A P và Thào A S, hồi 18 giờ 50 phút ngày 27/9/2021, Cơ quan điều tra đã lập Biên bản truy tìm vật chứng thu giữ chiếc xe máy nhãn hiệu SYM-Elegant II, biển kiểm soát 26D1-022.35 của Thào A S tại khu vực bản S2, xã S3, huyện B, tỉnh Sơn La, cách nơi bắt quả tang đối với các bị cáo khoảng 01km. Đây là phương tiện mà các bị cáo đã sử dụng để đi mua bán trái phép chất ma túy.

Hồi 07 giờ 30 phút ngày 28/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC04) Công an tỉnh Sơn La thành lập Hội đồng mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định ma túy đối với số vật chứng thu giữ xác định: Bên trong 10 túi nilon (08 túi màu xanh, 02 túi màu hồng) có chứa 1.951 viên nén màu hồng, tổng khối lượng 206,81 gam, trích lấy trong mỗi túi 05 viên, tổng 50 viên khối lượng 5,3 gam, ký hiệu từ SP1B đến SP10B để trưng cầu giám định ma túy.

Tại Kết luận giám định số 1581 ngày 29/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

“- Mẫu gửi giám định ký hiệu từ SP1B đến SP10B đều là ma túy; loại Methamphetamine; tổng khối lượng của các mẫu gửi giám định là 5,3 gam.

- Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 206,81 gam; loại Methamphetamine”.

Quá trình điều tra, Thào A P, Thào A S khai nhận:

Khoảng tháng 7/2021, Thào A P đến bản P3, xã L2, huyện M1, tỉnh Sơn La thăm bố mẹ vợ. Trong một lần đi chơi ở bản, P gặp một người đàn ông không quen biết, tự giới thiệu tên M2, người Lào, khi nói chuyện P biết M2 có ma túy bán nên hai người đã cho nhau số điện thoại để liên lạc.

Khoảng tháng 8/2021, P đi chợ huyện B, tỉnh Sơn La chơi thì gặp một người đàn ông là người dân tộc Kinh không quen biết, người này đặt vấn đề mua ma túy với số lượng lớn, P nói không có và không biết, để về nhà đi tìm, khi nào có sẽ thông báo sau nên hai người đã cho nhau số điện thoại để liên lạc.

Ngày 24/9/2021, khi P đang ở nhà thì người đàn ông gặp ở chợ huyện B gọi điện cho P hỏi mua Heroine và hồng phiến với số lượng lớn. P đồng ý và gọi điện thoại cho M2 hỏi mua Heroine và hồng phiến. M2 nói Heroine giá 15.000.000đ/01 phân, còn hồng phiến giá 1.500.000đ/01 túi. P nói để gọi điện hỏi khách xem lấy số lượng bao nhiêu thì sẽ thông báo cho M2. Sau đó, P gọi điện thoại cho người đàn ông dân tộc Kinh thông báo là đã tìm được chỗ mua ma túy, hỏi mua số lượng bao nhiêu thì người này đặt mua 10 túi hồng phiến với giá 3.000.000đ/01 túi. Người này còn nói khi nào gặp nhau kiểm tra hàng, nếu chất lượng ma túy tốt thì sẽ trả giá cao hơn. P đồng ý và gọi điện thoại cho M2 đặt mua 10 túi hồng phiến nhưng bảo M2 cho nợ lại 5.000.000đ, M2 đồng ý. Hai người hẹn nhau ngày 25/9/2021 sẽ giao dịch ma túy tại huyện Y, tỉnh Sơn La.

Khoảng 10 giờ ngày 24/9/2021, P đi bộ sang nhà Thào A S (em họ P) ở cùng bản, P nói cho S biết P đang có khách đặt mua 10 túi hồng phiến với giá 3.000.000đ/01 túi và P đã đặt mua 10 túi hồng phiến với giá 15.000.000đ nhưng phải trả trước 10.000.000đ thì mới lấy được ma túy về; P đã có 5.000.000đ và rủ S góp 5.000.000đ để cùng đi mua ma túy về bán kiếm lời, khi bán xong trừ tiền gốc, lãi được bao nhiêu thì chia đôi, S đồng ý góp 5.000.000đ. Khoảng 20 giờ ngày 24/9/2021, P gọi điện cho S báo sáng ngày 25/9/2021 sẽ cùng nhau đi Y để lấy ma túy, bảo S chuẩn bị tiền và ra lán nương của S ngủ để tránh bị phát hiện. Khoảng 21 giờ cùng ngày 24/9/2021, P và S mỗi người đi một xe máy đến lán nương của S cách bản P1 khoảng 03km để ngủ.

Khoảng 06 giờ ngày 25/9/2021, P gọi điện thoại cho M2 thông báo sẽ ra Y để lấy ma túy, M2 đồng ý. Sau khi P gọi điện thoại xong, S điều khiển xe máy chở P đi từ bản P1, xã L, huyện B ra đến Quốc lộ X thuộc địa phận huyện M rồi đi tiếp theo hướng huyện Y. Khi đi qua thị trấn Y, P gọi điện thoại cho M2 thì M2 bảo đi theo hướng M1, đến đầu cầu cứng thuộc xã S4, huyện Y M2 sẽ đón. Khi P và S đi đến đầu cầu cứng thuộc xã S4, huyện Y thì thấy M2 đang đứng ở ven đường. Sau khi gặp nhau, M2 đưa P và S đi xuống khu vực bờ suối gần đó để trao đổi việc mua bán ma túy (P và S không biết địa chỉ cụ thể chỗ trao đổi). Trên đường đi, S lấy ra 5.000.000đ đưa cho P, P lấy ra 5.000.000đ, tổng cộng là 10.000.000đ, còn 5.000.000đ P bảo M2 cho nợ, khi nào bán được ma túy sẽ trả sau. M2 đồng ý, nhận tiền rồi lấy trong bụi cây cạnh bờ suối ra một bọc nilon

màu đen, bên trong chứa 10 túi hồng phiến đưa cho P. Mua bán ma túy xong M2 bỏ đi, còn P và S điều khiển xe máy theo đường cũ về nhà. Khi P và S về đến khu vực lán nương của S thì S cất giấu số ma túy mua được vào một bụi cây cách lán nương khoảng 100m, rồi hai người đi về nhà P. Sau đó, P gọi điện thoại cho người đàn ông dân tộc Kinh thông báo đã mua được 10 túi hồng phiến với giá 3.000.000đ/01 túi, hai bên thống nhất thời gian, địa điểm giao dịch vào khoảng 12 giờ ngày 27/9/2021 tại khu vực bản P4, xã S3, huyện B, tỉnh Sơn La.

Khoảng 10 giờ ngày 27/9/2021, P đi bộ từ nhà đến nhà S bảo S điều khiển xe máy của S chở P đi bán ma túy. S đã điều khiển xe máy biển kiểm soát 26D1-022.35 chở P đến khu vực lán nương của S để lấy số ma túy cất giấu trước đó, sau đó S tiếp tục điều khiển xe máy chở P đến khu vực bản S2, xã S3, huyện B thì để xe máy lại bên đường. Hai người tiếp tục đi bộ đến khu vực bản P4, xã S3, huyện B, khi đến điểm hẹn thì P và S gặp hai người đàn ông, một người P đã gặp tại chợ huyện B, còn người đàn ông đi cùng P không quen biết, khi P và S cùng hai người đàn ông đang trao đổi việc mua bán ma túy thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng như đã nêu trên, còn hai người đàn ông mua ma túy bỏ chạy, Tổ công tác đã truy đuổi nhưng không bắt được.

Về nguồn gốc 206,81 gam ma túy, loại Methamphetamine thu giữ trong vụ án: Thào A P và Thào A S khai mua của một người đàn ông tên M2, người Lào, P và S không biết họ tên, địa chỉ cụ thể. Ngoài lời khai của P và S thì không còn nguồn tài liệu, chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, điều tra mở rộng vụ án.

Do có hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 21/CTr-VKS-P1 ngày 22/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo Thào A P, Thào A S về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

**** Tại phiên tòa sơ thẩm:***

Các bị cáo Thào A P, Thào A S thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố và không khai báo gì thêm.

Chị Lù Thị C2 khai nhận không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo Thào A P, Thào A S; xác định chiếc xe máy nhãn hiệu SYM, loại xe Elegant II thu giữ của bị cáo Thào A S là tài sản chung của gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho gia đình chị.

**** Tranh luận tại phiên tòa:***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Đề nghị tuyên bố các bị cáo Thào A P, Thào A S phạm tội Mua bán trái

phép chất ma túy.

Đề nghị xử phạt bị cáo Thào A P 20 năm tù; xử phạt bị cáo Thào A S 20 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau khi trích mẫu giám định cùng vỏ gói niêm phong ban đầu; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 02 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo.

Trả lại cho chị Lù Thị C2 chiếc xe máy thu giữ của Thào A S do đây là tài sản chung của gia đình.

* Người bào chữa cho bị cáo Thào A P trình bày lời bào chữa cho bị cáo, nhất trí với cáo trạng truy tố, luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở xã vùng cao, đặc biệt khó khăn của huyện B; bị cáo không biết chữ nên nhận thức, hiểu biết pháp luật còn hạn chế; bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng nhà đông con (05 người con), hoàn cảnh kinh tế khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt 20 năm tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Người bào chữa cho bị cáo Thào A S trình bày lời bào chữa cho bị cáo, nhất trí với cáo trạng truy tố, luận tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm tình tiết bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo để áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đồng thời xem xét bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn án phí và trả lại cho gia đình bị cáo chiếc xe máy là tài sản chung bị thu giữ trong vụ án.

* Các bị cáo Thào A P, Thào A S nhất trí với quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lù Thị C2 nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng

về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo

Từ ngày 25 đến ngày 27/9/2021, Thào A P đã có hành vi trao đổi, thỏa thuận với một người đàn ông dân tộc Kinh và một người đàn ông tên M2 (P không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) về việc mua bán ma túy. Sau đó, P rủ Thào A S mỗi người góp 5.000.000đ, tổng cộng 10.000.000đ đi mua 10 túi có 1.951 viên hồng phiến, tổng khối lượng 206,81 gam ma túy, loại Methamphetamine mục đích để bán kiếm lời. Ngày 27/9/2021, khi các bị cáo mang ma túy đi bán thì bị phát hiện, bắt quả tang tại khu vực bản P4, xã S3, huyện B, tỉnh Sơn La.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Tổ công tác Phòng PC04 Công an tỉnh Sơn La lập hồi 15 giờ 45 phút ngày 27/9/2021 tại trụ sở Công an xã S3, huyện B, tỉnh Sơn La đối với Thào A P và Thào A S cùng vật chứng thu giữ là 10 túi nilon (08 túi màu xanh, 02 túi màu hồng) bên trong đều chứa các viên nén hình tròn, màu hồng, trên bề mặt mỗi viên nén có ký hiệu WY nghi là ma túy tổng hợp.

- Biên bản mở niêm phong, xác định số lượng, khối lượng, trích mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng lập hồi 07 giờ 30 phút ngày 28/9/2021 tại Phòng PC04 Công an tỉnh Sơn La xác định: Bên trong 10 túi nilon có chứa 1.951 viên nén màu hồng, tổng khối lượng 206,81 gam.

- Kết luận giám định số 1581 ngày 29/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “*Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 206,81 gam; loại Methamphetamine*”.

- Lời khai nhận tội của các bị cáo Thào A P, Thào A S tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người chứng kiến anh Đinh Văn C4, sinh năm 1978, trú tại: Bản P4, xã S3, huyện B, tỉnh Sơn La; phù hợp với khối lượng ma túy thu giữ trong quá trình bắt người phạm tội quả tang đối với các bị cáo; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa.

Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Thào A P, Thào A S đã phạm vào tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt

Các bị cáo Thào A P, Thào A S đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán chất ma túy để kiếm lời là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi mua bán trái phép 206,81 gam ma túy, Methamphetamine, đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt “... *Methamphetamine ... có khối lượng 100 gam trở lên*” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo

Hành vi phạm tội của các bị cáo Thào A P, Thào A S thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo mới bảo đảm biện pháp trừng trị, cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là các tội phạm về ma túy trong giai đoạn hiện nay.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Các bị cáo Thào A P, Thào A S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Thào A P là người trực tiếp trao đổi với người mua và người bán ma túy, sau đó rủ rê Thào A S góp tiền đi mua ma túy về để bán kiếm lời. Còn Thào A S là người góp tiền cùng Thào A P đi mua ma túy, trực tiếp điều khiển xe máy chở Thào A P đi mua, bán ma túy và trực tiếp cất giấu ma túy. Do đó, cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với các bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung

Ngoài hình phạt chính, các bị cáo có thể còn bị áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự nhưng xét các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở xã đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[8] Về các đối tượng có liên quan

Đối với người đàn ông tên M2, người Lào, Thào A P và Thào A S khai nhận M2 là người đã bán ma túy cho P và S tại khu vực bờ suối thuộc xã S4, huyện Y, tỉnh Sơn La. Kết quả điều tra xác định P và S không biết họ tên đầy đủ và địa chỉ của M2. Đối với lời khai của P cho rằng có lưu số điện thoại của M2 trong danh bạ điện thoại với tên là “M2”. Kết quả kiểm tra điện thoại di động của P không tìm thấy số điện thoại lưu tên “M2”. Ngoài lời khai của các bị cáo P và S thì không còn nguồn tài liệu, chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, điều tra.

Đối với người đàn ông dân tộc Kinh và người đàn ông đi cùng, Thào A P và Thào A S khai là người mua ma túy. Kết quả điều tra xác định P và S không biết họ tên, địa chỉ của hai người đàn ông này. Quá trình trao đổi việc mua, bán ma túy, người đàn ông dân tộc Kinh dùng nhiều số điện thoại khác nhau, P không nhớ và không lưu số điện thoại của người này. Ngoài lời khai của các bị cáo thì không còn nguồn tài liệu, chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, điều tra.

[9] Về vật chứng

* Đối với chiếc xe máy Thào A P và Thào A S sử dụng để đi mua ma túy vào ngày 25/9/2021: Kết quả điều tra xác định đây là tài sản chung của gia đình Thào A P và vợ là Mùa Thị L1. P khai không nhớ nhãn hiệu và biển kiểm soát của chiếc xe máy nêu trên. Mùa Thị L1 khai không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của P và S. Sau khi P bị bắt thì L1 đã bán xe cho một người thu mua sắt vụn không quen biết nên Cơ quan điều tra không có căn cứ truy tìm để xử lý.

* Đối với vật chứng thu giữ trong vụ án:

- Đối với 201,51 gam ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau khi trích mẫu trưng cầu giám định ma túy cùng vỏ gói niêm phong ban đầu: Xét đây là loại hàng Nhà nước cấm lưu hành và vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của Thào A P và Thào A S: Xét đây là phương tiện các bị cáo sử dụng liên hệ để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với căn cước công dân mang tên Thào A P: Xét đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM loại xe ELEGANT II biển kiểm soát 26D1-022.35: Kết quả điều tra xác định đây là tài sản chung của Thào A S và vợ là Lù Thị C2. Mặc dù đây là phương tiện Thào A S và Thào A P đã sử dụng để đi bán ma túy nhưng xét chị Lù Thị C2 không được trao đổi, bàn bạc, không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của P và S. Chiếc xe máy nêu trên là tài sản chung có giá trị lớn trong gia đình nên cần trả lại cho chị Lù Thị C2 sử dụng phục vụ sinh hoạt hàng ngày.

[10] Về án phí

Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 nên đủ điều kiện được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Thào A P (tên gọi khác C), Thào A S phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Thào A P (C) 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2021.

Xử phạt bị cáo Thào A S 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

2. Về vật chứng

Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. Tịch thu tiêu hủy 201,51 gam ma túy, loại Methamphetamine, cùng vỏ nilon màu xanh và màu hồng, 01 túi nilon màu đen được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành còn nguyên niêm phong.

2.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO vỏ màu xanh, điện thoại cảm ứng, có 02 sim trong máy, đã qua sử dụng (thu giữ của Thào A P (C));

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL vỏ màu xanh đen, điện thoại bàn phím, 02 Imei có 04 số cuối: Imei 1 4427, Imei 2 4435, kèm 01 sim trong điện thoại, đã qua sử dụng (thu giữ của Thào A S).

2.3. Trả lại cho bị cáo Thào A S 01 (một) căn cước công dân có số 014094003424 mang tên Thào A S do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/4/2021.

2.4. Trả lại cho chị Lò Thị C2 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu SYM, loại xe ELEGANT, màu sơn đen - bạc, biển kiểm soát 26D1-022.35, số khung RLGSC10KHBH085129, số máy VMSACBH085129, xe có 01 gương

chiếu hậu, 01 chìa khóa xe, không có hộp bao xích, vỏ mặt nạ sườn xe bên phải từ yên xe xuống bị long, xe đã qua sử dụng.

3. Về án phí

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Thào A P (C), Thào A S.

4. Về quyền kháng cáo

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/3/2022).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Phòng PC04 - Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La;
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hải